

Số: 643 /QĐ-SGD&ĐT

Hoà Bình, ngày 14 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10
chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông,
năm học 2011 - 2012.

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 10/02/2009 của UBND tỉnh Hoà Bình về việc ban hành quy định, vị trí, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình;

Căn cứ Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 của UBND tỉnh Hoà Bình về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo năm học 2011 - 2012;

Căn cứ thực tế cơ sở vật chất trường, lớp, đội ngũ giáo viên Trung tâm GDTX, quy mô phát triển của ngành học, cấp học và số lượng học sinh lớp 9 Trung học cơ sở năm học 2010- 2011;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Trưởng phòng Giáo dục thường xuyên Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông năm học 2011 - 2012 cho các Trung tâm giáo dục thường xuyên trong toàn tỉnh (Có phụ lục đính kèm).

Điều 2. Các đơn vị được giao chỉ tiêu tuyển sinh phải thực hiện nghiêm túc Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo đủ số lượng lớp, số học viên được giao.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Giáo dục thường xuyên Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các Trung tâm GDTX và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- UBND huyện, TP;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng CN, CM, NV Sở;
- Các Trung tâm GDTX;
- Lưu VP, KH - TC, (Tr. D30).



Nguyễn Minh Thành

PHỤ BIỂU GIAO KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

Các Trung tâm GDTX, năm học 2011- 2012

(kèm theo Quyết định số 643 /QĐ-SGD&ĐT ngày 14 tháng 6 năm 2011
của Giám đốc Sở Giáo dục & Đào tạo Hoà Bình)

TT	Đơn vị Trung tâm GDTX	Kế hoạch năm 2011-2012								Ghi chú
		Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Tổng số		
		SL	Số HS	SL	Số HS	SL	Số HS	SL	Số HS	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lương Sơn	2	90	2	79	2	74	6	243	
2	Kỳ Sơn	2	50	1	17	1	20	4	87	
3	Thành phố	2	90	2	90	2	90	6	270	
4	Đà Bắc	2	80	2	60	2	55	6	195	
5	Cao Phong	2	70	3	70	2	58	7	198	
6	Tân Lạc	2	70	3	150	2	75	7	295	
7	Mai Châu	2	90	2	60	2	55	6	205	
8	Kim Bôi	2	90	3	126	2	76	7	292	
9	Lạc Thủy	2	90	2	92	3	140	7	322	
10	Lạc Sơn	2	90	3	163	3	103	8	356	
11	Yên Thủy	2	70	2	45	1	44	5	159	
12	TT Tỉnh	0	0	1	40	1	44	2	84	
Cộng:		22	880	26	992	23	834	71	2706	

T. PHÒNG KHTC



Phan Văn Sỹ

T. PHÒNG TCCB



Trần Mạnh Hà

T. PHÒNG GDTX



Nguyễn Đức Hải



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành